

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 141/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 27/TTr-T.Tr ngày 22/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Bãi bỏ tất cả các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh

Bình, Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam công bố trước đây.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - VPCP (Cục KSTTHC);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TTTH-CB, TTPVHCC.
- TĐ-QĐCB/2025

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chúc

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CỦA TỈNH									
I. Lĩnh vực tiếp công dân									
1	1.010943	Thủ tục tiếp công dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban tiếp công dân của tỉnh, Thanh tra tỉnh, Bộ phận tiếp công dân của các sở, ban, ngành của tỉnh.		- Luật Tiếp công dân; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP.			X
II. Lĩnh vực xử lý đơn									
2	2.002499	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Ban tiếp công dân của tỉnh, Thanh tra tỉnh, Bộ phận tiếp công dân, xử lý đơn thư thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh.	X	- Luật số 02/2011/QH13; - Luật số 25/2018/QH14; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP.			X
III. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại									

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
3	2.002407	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Thanh tra tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	X	- Luật số 02/2011/QH13; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 141/2025/NĐ-CP.			X
4	2.002411	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	Thanh tra tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	X	- Luật số 02/2011/QH13; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 141/2025/NĐ-CP.			X
IV. Lĩnh vực giải quyết tố cáo									
5	2.002394	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Thanh tra tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	X	- Luật số 25/2018/QH14; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 141/2025/NĐ-CP.			X

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
V. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng									
6	2.002400	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu: - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ). - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác. 2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập. 3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm: Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật PCTN (được quy định chi tiết tại Điều 10 Nghị định 130/NĐ-CP) phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/12 hằng năm. 4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:	Cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh		- Luật số 36/2018/QH14; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.			X

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác; - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.						
7	2.002401	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc).	Thanh tra tỉnh		- Luật số 36/2018/QH14; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.			X
8	2.002402	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		- Luật số 36/2018/QH14; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.			X
9	2.002403	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		- Luật số 36/2018/QH14; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.			X

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I. Lĩnh vực tiếp công dân									
1	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ủy ban nhân dân cấp xã		- Luật Tiếp công dân; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCT; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCT.			X
II. Lĩnh vực xử lý đơn									
2	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	X	- Luật số 02/2011/QH13; - Luật số 25/2018/QH14; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCT; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCT.			X
III. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại									
3	2.002409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	- Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng	UBND cấp xã	X	- Luật số 02/2011/QH13 - Nghị định số			X

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.			124/2020/NĐ-CP; - Nghị định số 141/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2025/TT-TTCTP.			
IV. Lĩnh vực giải quyết tố cáo									
4	2.002396	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	UBND cấp xã	X	- Luật số 25/2018/QH14; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 141/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2025/TT-TTCTP.			X
V. Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng									
5	2.002400	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu: - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại công văn số 252/TTCTP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ). - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày	UBND cấp xã		- Luật số 36/2018/QH14; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP			X

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
			được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác. 2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập. 3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm: Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật PCTN (được quy định chi tiết tại Điều 10 Nghị định 130/NĐ-CP) phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/12 hằng năm. 4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ: - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác; - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.						

TT	Mã TTHC	Tên thủ TTHC	Thời hạn thực hiện	Địa điểm thực hiện	Thực hiện qua DV BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
6	2.002402	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	UBND cấp xã		- Luật số 36/2018/QH14; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.			X
7	2.002403	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình	UBND cấp xã		- Luật số 36/2018/QH14; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.			X